

TIẾNG VIỆT 3 – PHIẾU BÀI TẬP 18: ÔN LUYỆN HỌC KỲ I

Bài 1: Em hãy xếp các từ ngữ dưới đây vào đúng nhóm thích hợp trong bảng:
trường học, nghiên cứu, mệnh mông, danh nhân, chăm sóc, kiên cường, thiết bị, trao đổi, minh mẫn, thư viện, thảo luận, lung linh.

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ đặc điểm
.....		
.....		

Bài 2: Nhận diện các kiểu câu

Xác định kiểu câu (Câu giới thiệu, Câu nêu hoạt động, Câu nêu đặc điểm) cho mỗi câu dưới đây:

1. Các bác nông dân đang hăng hái thu hoạch nông sản.

→ Kiểu câu:

.....

2. Cô giáo Vân là người mẹ thứ hai của chúng em.

→ Kiểu câu:

.....

3. Dòng sông Hương mộng mơ và êm đềm trôi.

→ Kiểu câu:

.....

4. Sách vở là người bạn đồng hành thân thiết của học sinh.

→ Kiểu câu:

.....

5. Các chiến sĩ công an hằng ngày tuần tra giữ gìn trật tự.

→ Kiểu câu:

.....

Bài 3: Tìm từ ngữ trong đoạn văn

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

"Sáng sớm, mặt trời ửng hồng ngoi lên từ sau dãy núi. Từng nhóm học sinh tung tăng bước đi trên con đường làng ngõ xóm. Hai bên đường, những ngọn cỏ xanh mướt còn đọng lại vài giọt sương long lanh. Các bạn nhỏ vừa đi vừa trò chuyện vui vẻ."

Tìm và ghi lại trong đoạn văn trên:

a) 02 từ chỉ sự vật:

b) 02 từ chỉ hoạt động:

c) 02 từ chỉ đặc điểm:

Bài 4: Phân tích và phân loại kiểu câu

Đọc các câu dưới đây và điền dấu (X) vào ô trống thích hợp:

Câu văn	Câu nêu hoạt động	Câu nêu đặc điểm
a) Những chú hải âu chao đảo đôi cánh trên bầu trời biển.		
b) Bầu trời đêm mùa hạ rực rỡ và lấp lánh muôn ngàn ngôi sao.		
c) Chú thợ điện nhanh nhẹn trèo lên cột điện để kiểm tra đường dây.		
d) Dãy núi xa xa trập trùng và mờ ảo trong sương sớm.		

Bài 5: Tìm từ ngữ có nghĩa trái ngược

Tìm từ ngữ có nghĩa trái ngược với mỗi từ cho trước dưới đây:

- Cẩn cù →
- Rộng rãi →
- Chăm chỉ →
- Hiền lành →
- Sáng sủa →
- Nhanh nhẹn →

Bài 6: Điền từ trái nghĩa thích hợp vào chỗ trống

Lựa chọn và điền từ ngữ có nghĩa trái ngược thích hợp để hoàn thiện các câu tục ngữ, thành ngữ dưới đây:

- a) Gàn mực thì đen, gàn đèn thì
- b) Một mắt một
- c) Thức khuya dậy
- d) Lá lành đùm lá

Bài 7: Đọc các câu dưới đây và điền thông tin thích hợp vào bảng phân tích so sánh:

Câu văn	Sự vật 1 (Được so sánh)	Từ so sánh	Sự vật 2 (Dùng để so sánh)
a) Những ngôi sao đêm lấp lánh như hàng ngàn ngọn nến nhỏ.			
c) Cánh diều chao ngả trên không trung trông như một chú chim lớn.			

e) Nụ cười của bé rực rỡ như ánh nắng ban mai.			
g) Rặng tre xanh rì rào nghiêng mình như đang vẫy chào du khách.			
h) Trẻ em như búp trên cành.			

Bài 8: Xác định loại câu (Câu kể, Câu hỏi, Câu khiến) cho mỗi câu dưới đây:

a) Mẹ ơi, mẹ mua cho con chiếc bút này nhé!

→ Loại câu:

.....

b) Hôm nay, bầu trời rất xanh và trong lành.

→ Loại câu:

.....

c) Máy giờ rồi hỡi các bạn?

→ Loại câu:

.....

d) Hãy giữ gìn vệ sinh chung nhé!

→ Loại câu:

.....

Bài 9: Hãy viết tiếp vào chỗ trống để tạo thành câu hoàn chỉnh đúng với loại câu được yêu cầu trong ngoặc:

a) Con đông đang kéo đến kìa,
(*Câu khiến*)

b) Ôi, chiếc cặp sách này mới
(*Câu cảm*)

c) Bạn có biết vì sao
(*Câu hỏi*)

d) Mỗi buổi sáng, em đều
(*Câu kể*)

Bài 10: Đặt câu theo yêu cầu

a) Đặt 1 câu giới thiệu về một người thân trong gia đình em:

.....

b) Đặt 1 câu nêu đặc điểm về một đồ dùng học tập mà em yêu thích:

.....

c) Đặt 1 câu nêu hoạt động của em hoặc bạn bè vào giờ ra chơi:

.....

.....

d) Đặt 1 câu có sử dụng cặp từ có nghĩa trái ngược:

.....

Bài 11: Dựa vào hai hình ảnh gợi ý dưới đây, em hãy thêm từ so sánh thích hợp để viết thành câu so sánh hoàn chỉnh:

a) *Cánh hoa phượng / những đốm lửa nhỏ*

.....

b) *Tiếng suối chảy / tiếng đàn hát*

.....

c) *Cây nấm / chiếc ô xinh xắn*

.....

d) *Ánh mắt người mẹ / ngọn nến ấm áp*

.....

e) *Ngọn núi xa xa / bức tường thành*

.....

f) *Đôi mắt chú mèo / hai hòn cườm*

.....

Bài 12: Cho các câu kể dưới đây, hãy biến đổi mỗi câu theo loại câu được yêu cầu:

1. Câu gốc: "Nam làm bài tập về nhà."

• Chuyển thành Câu khiến:

.....

2. Câu gốc: "Bạn Mai đi đọc sách ở thư viện."

• Chuyển thành Câu hỏi:

.....

3. Câu gốc: "Các bạn học sinh trật tự nghe cô giáo giảng bài."

• Chuyển thành Câu khiến:

.....

4. Câu gốc: "Hôm nay, lớp chúng ta học tiết Tiếng Việt."

• Chuyển thành Câu hỏi:

.....